

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

LỊCH THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2022 - 2023
Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG - KHÓA 2021 (C1)

[illegible]

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
1	21C1-QTD2	0211002451		38	Quản trị Marketing	4	04/01/2023	90	18H00	Tự luận	C2.2 - 01
2	21C1-QTD2	0211002259		38	Tiếng Anh 3	4	04/01/2023	90	19H45	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
1	21C1-CNÔ	0211000141	1	38	Sức bền vật liệu	5	05/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 02
2	21C1-CNÔ	0211000141	2	38	Sức bền vật liệu	5	05/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 04
3	21C1-CNÔ	0211000141	3	38	Sức bền vật liệu	5	05/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 02
4	21C1-CNÔ	0211000141	4	38	Sức bền vật liệu	5	05/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 03
5	21C1-CNÔ	0211000141	5	38	Sức bền vật liệu	5	05/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 04
6	21C1-CNÔ	0211000141	6	38	Sức bền vật liệu	5	05/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 01
7	21C1-CNÔ	0211000141	7	38	Sức bền vật liệu	5	05/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 02
8	21C1-CNÔ	0211000141	8	38	Sức bền vật liệu	5	05/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 03
9	21C1-CNÔ	0211000141	9	38	Sức bền vật liệu	5	05/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 04
10	21C1-CNÔ	0211000141	10	38	Sức bền vật liệu	5	05/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 05
11	21C1-CNÔ	0211000141	11	38	Sức bền vật liệu	5	05/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.3 - 01
12	21C1-CNÔ	0211000141	12	38	Sức bền vật liệu	5	05/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.3 - 02
13	21C1-CNL; KML; VSL	0211002135	1	38	Máy và thiết bị lạnh	5	05/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 03
14	21C1-CNL; KML; VSL	0211002135	2	38	Máy và thiết bị lạnh	5	05/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 05
15	21C1-CNL; KML; VSL	0211002135	3	38	Máy và thiết bị lạnh	5	05/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 03
16	21C1-CNL; KML; VSL	0211002135	4	38	Máy và thiết bị lạnh	5	05/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 04
17	21C1-CNÔ	0211001475	1	38	Lý thuyết gầm ô tô	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
18	21C1-CNÔ	0211001475	2	38	Lý thuyết gầm ô tô	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
19	21C1-CNÔ	0211001475	3	38	Lý thuyết gầm ô tô	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
20	21C1-CNÔ	0211001475	4	38	Lý thuyết gầm ô tô	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
21	21C1-CNÔ	0211001475	5	38	Lý thuyết gầm ô tô	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
22	21C1-CNÔ	0211001475	6	38	Lý thuyết gầm ô tô	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
23	21C1-CNÔ	0211001475	7	38	Lý thuyết gầm ô tô	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
24	21C1-CNÔ	0211001475	8	38	Lý thuyết gầm ô tô	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
25	21C1-CNÔ	0211001475	9	38	Lý thuyết gầm ô tô	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
26	21C1-CNÔ	0211001475	10	38	Lý thuyết gầm ô tô	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 05
27	21C1-CNÔ	0211001475	11	38	Lý thuyết gầm ô tô	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 01
28	21C1-CNÔ	0211001475	12	38	Lý thuyết gầm ô tô	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 02
29	21C1-CNL; KML; VSL	0211000706	1	38	Kỹ thuật điều hòa không khí	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 03

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
30	21C1-CNL; KML; VSL	0211000706	2	38	Kỹ thuật điều hòa không khí	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 05
31	21C1-CNL; KML; VSL	0211000706	3	38	Kỹ thuật điều hòa không khí	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 03
32	21C1-CNL; KML; VSL	0211000706	4	38	Kỹ thuật điều hòa không khí	5	05/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 04
1	21C1-	0211002259	1	38	Tiếng Anh 3	5	05/01/2023	90	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
2	21C1-	0211002259	2	38	Tiếng Anh 3	5	05/01/2023	90	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
3	21C1-	0211002259	3	38	Tiếng Anh 3	5	05/01/2023	90	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
4	21C1-	0211002259	4	38	Tiếng Anh 3	5	05/01/2023	90	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
5	21C1-	0211002259	5	38	Tiếng Anh 3	5	05/01/2023	90	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
6	21C1-	0211002259	6	38	Tiếng Anh 3	5	05/01/2023	90	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
7	21C1-	0211002259	7	38	Tiếng Anh 3	5	05/01/2023	90	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
8	21C1-	0211002259	8	38	Tiếng Anh 3	5	05/01/2023	90	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
9	21C1-	0211002259	9	38	Tiếng Anh 3	5	05/01/2023	90	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
10	21C1-	0211002259	10	38	Tiếng Anh 3	5	05/01/2023	90	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
11	21C1-	0211002259	11	38	Tiếng Anh 3	5	05/01/2023	90	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
12	21C1-	0211002259	12	38	Tiếng Anh 3	5	05/01/2023	90	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
13	21C1-	0211002259	13	38	Tiếng Anh 3	5	05/01/2023	90	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
14	21C1-	0211002259	14	38	Tiếng Anh 3	5	05/01/2023	90	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
15	21C1-	0211002259	15	38	Tiếng Anh 3	5	05/01/2023	90	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
16	21C1-NNA	0211002473		38	Tiếng Hoa	5	05/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
1	21C1-QTD2	0211002453		38	Quản trị văn phòng	6	06/01/2023	90	18H00	Tự luận	C2.2 - 01
2	21C1-QTD2	0211001536		38	Kế toán doanh nghiệp	6	06/01/2023	60	19H45	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
1	21C1-KXD	0211001803		38	Vật liệu xây dựng	7	07/01/2023	120	07H30	Vấn đáp	C3.1 - 05
1	21C1-CBT	0211001250		33	Nguyên lý - Chi tiết máy	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 02
2	21C1-CCK; CTM	0211001253	1	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 04
3	21C1-CCK; CTM	0211001253	2	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 01
4	21C1-CCK; CTM	0211001253	3	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 02

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
5	21C1-CCK; CTM	0211001253	4	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 03
6	21C1-CCK; CTM	0211001253	5	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 04
7	21C1-CCK; CTM	0211001253	6	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 01
8	21C1-ĐĐT	0211000236	1	38	Cung cấp điện	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 02
9	21C1-ĐĐT	0211000236	2	38	Cung cấp điện	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 03
10	21C1-ĐCN	0211000081	1	38	Kỹ thuật chiếu sáng	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 04
11	21C1-ĐCN	0211000081	2	38	Kỹ thuật chiếu sáng	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 05
12	21C1-ĐCN	0211000081	3	38	Kỹ thuật chiếu sáng	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.3 - 01
13	21C1-CNM	0211001962		14	Thiết kế rập	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	
14	21C1-KTD	0211002444		38	Kế toán chi phí	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.3 - 02
15	21C1-QTD1	0211002454		38	Quản trị doanh nghiệp	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.3 - 03
16	21C1-KXD	0211002374		38	Kỹ thuật thi công	5	12/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.3 - 05
17	21C1-CĐT	0211001873		33	Kỹ thuật thủy lực - khí nén	5	12/01/2023	90	10H00	Tự luận	C2.2 - 02
18	21C1-CCK; CTM	0211000273	1	38	Nguyên lý cắt kim loại	5	12/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
19	21C1-CCK; CTM	0211000273	2	38	Nguyên lý cắt kim loại	5	12/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
20	21C1-CCK; CTM	0211000273	3	38	Nguyên lý cắt kim loại	5	12/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
21	21C1-CCK; CTM	0211000273	4	38	Nguyên lý cắt kim loại	5	12/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
22	21C1-CCK; CTM	0211000273	5	38	Nguyên lý cắt kim loại	5	12/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
23	21C1-CCK; CTM	0211000273	6	38	Nguyên lý cắt kim loại	5	12/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
24	21C1-ĐĐT; ĐCN	0211000295	1	38	Trang bị điện	5	12/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
25	21C1-ĐĐT; ĐCN	0211000295	2	38	Trang bị điện	5	12/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
26	21C1-ĐĐT; ĐCN	0211000295	3	38	Trang bị điện	5	12/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
27	21C1-ĐĐT; ĐCN	0211000295	4	38	Trang bị điện	5	12/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 05
28	21C1-ĐĐT; ĐCN	0211000295	5	38	Trang bị điện	5	12/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 01
29	21C1-CNM	0211001526		14	Công nghệ sản xuất may công nghiệp	5	12/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	
30	21C1-KTD	0211002229		38	Kế toán doanh nghiệp 2	5	12/01/2023	90	10H00	Tự luận	C3.3 - 02
31	21C1-QTD1	0211001536		38	Kế toán doanh nghiệp	5	12/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 03
32	21C1-KXD	0211001841		38	Kết cấu bê tông - cốt thép 2	5	12/01/2023	60	10H00	Tự luận	C3.3 - 05
1	21C1-CNL	0211002411	1	38	Tính toán thiết bị trao đổi nhiệt	6	13/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 02

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
2	21C1-CNL	0211002411	2	38	Tính toán thiết bị trao đổi nhiệt	6	13/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 04
3	21C1-ĐCN	0211001422	1	38	Tính toán và sửa chữa máy điện	6	13/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.2 - 05
4	21C1-ĐCN	0211001422	2	38	Tính toán và sửa chữa máy điện	6	13/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 01
5	21C1-ĐCN	0211001422	3	38	Tính toán và sửa chữa máy điện	6	13/01/2023	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 03
6	21C1-VSL1	0211001440		40	Tự động hóa hệ thống lạnh	6	13/01/2023	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
7	21C1-CĐT; ĐĐT; TĐH	0211001287	1	38	Lập trình PLC	6	13/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 02
8	21C1-CĐT; ĐĐT; TĐH	0211001287	2	38	Lập trình PLC	6	13/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 03
9	21C1-CĐT; ĐĐT; TĐH	0211001287	3	38	Lập trình PLC	6	13/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 04
10	21C1-CĐT; ĐĐT; TĐH	0211001287	4	38	Lập trình PLC	6	13/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.3 - 02
11	21C1-LGT	0211002459		33	Nghiệp vụ ngoại thương	6	13/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.3 - 03
12	21C1-QTD	0211002451		38	Quản trị Marketing	6	13/01/2023	90	07H30	Tự luận	C3.3 - 05
13	21C1-TCĐ; KTD	0211002343	1	38	Thị trường chứng khoán	6	13/01/2023	90	07H30	Tự luận	H1.2 - 03
14	21C1-TCĐ; KTD	0211002343	2	20	Thị trường chứng khoán	6	13/01/2023	90	07H30	Tự luận	H1.2 - 04
15	21C1-QKS1	0211002637		20	Quản trị buồng khách sạn	6	13/01/2023	90	07H30	Tự luận	
16	21C1-KML	0211000087	1	30	Kỹ thuật lạnh thực phẩm	6	13/01/2023	60	07H30	Tự luận	H1.2 - 06
17	21C1-KML	0211000087	2	30	Kỹ thuật lạnh thực phẩm	6	13/01/2023	60	07H30	Tự luận	H1.2 - 07
18	21C1-KML; VSL	0211001425	1	38	Bơm - Quạt - Máy nén	6	13/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
19	21C1-KML; VSL	0211001425	2	38	Bơm - Quạt - Máy nén	6	13/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
20	21C1-KML; VSL	0211001425	3	38	Bơm - Quạt - Máy nén	6	13/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
21	21C1-ĐĐT; TĐH; CĐT	0211000222	1	38	Vi xử lý	6	13/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
22	21C1-ĐĐT; TĐH; CĐT	0211000222	2	38	Vi xử lý	6	13/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
23	21C1-ĐĐT; TĐH; CĐT	0211000222	3	38	Vi xử lý	6	13/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
24	21C1-ĐĐT; TĐH; CĐT	0211000222	4	38	Vi xử lý	6	13/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
25	21C1-ĐCN	0211001419	1	38	Kỹ thuật lắp đặt điện	6	13/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
26	21C1-ĐCN	0211001419	2	38	Kỹ thuật lắp đặt điện	6	13/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
27	21C1-ĐCN	0211001419	3	38	Kỹ thuật lắp đặt điện	6	13/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 02
28	21C1-TCĐ	0211002341		19	Tài chính công	6	13/01/2023	90	10H00	Tự luận	C3.3 - 03
29	21C1-QNH	0211002649		20	Quản trị khu du lịch	6	13/01/2023	90	10H00	Tự luận	
30	21C1-LGT	0211002353		33	Dịch vụ kho hàng và trung tâm phân phối	6	13/01/2023	60	10H00	Tự luận	C3.3 - 05

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
31	21C1-KTD	0211002049		38	Tâm lý kinh doanh	6	13/01/2023	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 03
32	21C1-QTD1	0211002452		41	Quản trị tài nguyên nhân sự	6	13/01/2023	90	10H00	Tự luận	H1.2 - 04
Các môn thi phòng máy khoa Công nghệ thông tin											
1	21C1-LTM;TKĐ; TKW	0211003001	1	35	Thiết kế Web	2	26/12/2022	120	12H45	Trên máy tính	E2.1 - 01
2	21C1-LTM;TKĐ; TKW	0211003001	2	30	Thiết kế Web	2	26/12/2022	120	12H45	Trên máy tính	E2.1 - 02
3	21C1-LTM;TKĐ; TKW	0211003001	3	30	Thiết kế Web	2	26/12/2022	120	12H45	Trên máy tính	E2.1 - 03
4	21C1-LTM;TKĐ; TKW	0211003001	4	30	Thiết kế Web	2	26/12/2022	120	12H45	Trên máy tính	E3 - 01
5	21C1-LTM;TKĐ; TKW	0211003001	5	35	Thiết kế Web	2	26/12/2022	120	15H15	Trên máy tính	E2.1 - 01
6	21C1-LTM;TKĐ; TKW	0211003001	6	30	Thiết kế Web	2	26/12/2022	120	15H15	Trên máy tính	E2.1 - 02
7	21C1-LTM;TKĐ; TKW	0211003001	7	30	Thiết kế Web	2	26/12/2022	120	15H15	Trên máy tính	E2.1 - 03
8	21C1-LTM;TKĐ; TKW	0211003001	8	30	Thiết kế Web	2	26/12/2022	120	15H15	Trên máy tính	E3 - 01
11	21C1-LTM; TKW	0211002999	1	35	Lập trình hướng đối tượng	4	28/12/2022	120	12H45	Trên máy tính	E2.1 - 01
12	21C1-LTM; TKW	0211002999	2	30	Lập trình hướng đối tượng	4	28/12/2022	120	12H45	Trên máy tính	E2.1 - 02
13	21C1-LTM; TKW	0211002999	3	30	Lập trình hướng đối tượng	4	28/12/2022	120	12H45	Trên máy tính	E2.1 - 03
14	21C1-LTM; TKW	0211002999	4	30	Lập trình hướng đối tượng	4	28/12/2022	120	12H45	Trên máy tính	F1.2 - 03
15	21C1-LTM	0211003002	1	35	Lập trình mạng	4	28/12/2022	120	15H15	Trên máy tính	E2.1 - 01
16	21C1-LTM	0211003002	2	30	Lập trình mạng	4	28/12/2022	120	15H15	Trên máy tính	E2.1 - 02
17	21C1-LTM	0211003002	3	30	Lập trình mạng	4	28/12/2022	120	15H15	Trên máy tính	E2.1 - 03
18	21C1-TKW	0211003111		32	Công nghệ và Dịch vụ Web	4	28/12/2022	120	15H15	Trên máy tính	F1.2 - 03
19	21C1-CMT; QTM	0211002990	1	35	Thiết kế trang Web	6	30/12/2022	120	07H15	Trên máy tính	E2.1 - 01
20	21C1-CMT; QTM	0211002990	2	30	Thiết kế trang Web	6	30/12/2022	120	07H15	Trên máy tính	E2.1 - 02
21	21C1-CMT; QTM	0211002990	3	30	Thiết kế trang Web	6	30/12/2022	120	07H15	Trên máy tính	E2.1 - 03
22	21C1-CMT; QTM	0211002990	4	30	Thiết kế trang Web	6	30/12/2022	120	07H15	Trên máy tính	F1.2 - 03
23	21C1-LTM; TKW	0211002881	1	35	Lập trình cơ sở dữ liệu	6	30/12/2022	120	09H30	Trên máy tính	E2.1 - 01
24	21C1-LTM; TKW	0211002881	2	30	Lập trình cơ sở dữ liệu	6	30/12/2022	120	09H30	Trên máy tính	E2.1 - 02
25	21C1-LTM; TKW	0211002881	3	30	Lập trình cơ sở dữ liệu	6	30/12/2022	120	09H30	Trên máy tính	E2.1 - 03

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
26	21C1-LTM; TKW	0211002881	4	30	Lập trình cơ sở dữ liệu	6	30/12/2022	120	09H30	Trên máy tính	F1.2 - 03
1	21C1-CMT	0211002917	1	35	Kỹ thuật số	4	11/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 01
2	21C1-CMT	0211002917	2	30	Kỹ thuật số	4	11/01/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 02
1	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	1	35	Tin học	7	07/01/2023	90	07H30	Trên máy tính	E2.1 - 01
2	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	2	30	Tin học	7	07/01/2023	90	07H30	Trên máy tính	E2.1 - 03
3	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	3	30	Tin học	7	07/01/2023	90	07H30	Trên máy tính	E2.2 - 01
4	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	4	30	Tin học	7	07/01/2023	90	07H30	Trên máy tính	E2.2 - 02
5	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	5	30	Tin học	7	07/01/2023	90	07H30	Trên máy tính	E3 - 01
6	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	6	35	Tin học	7	07/01/2023	90	10H00	Trên máy tính	E2.1 - 01
7	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	7	30	Tin học	7	07/01/2023	90	10H00	Trên máy tính	E2.1 - 03
8	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	8	30	Tin học	7	07/01/2023	90	10H00	Trên máy tính	E2.2 - 01
9	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	9	30	Tin học	7	07/01/2023	90	10H00	Trên máy tính	E2.2 - 02
10	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	10	30	Tin học	7	07/01/2023	90	10H00	Trên máy tính	E3 - 01
11	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	11	35	Tin học	7	07/01/2023	90	13H00	Trên máy tính	E2.1 - 01
12	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	12	30	Tin học	7	07/01/2023	90	13H00	Trên máy tính	E2.1 - 02
13	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	13	30	Tin học	7	07/01/2023	90	13H00	Trên máy tính	E2.1 - 03
14	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	14	30	Tin học	7	07/01/2023	90	13H00	Trên máy tính	E2.2 - 02
15	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	15	30	Tin học	7	07/01/2023	90	13H00	Trên máy tính	E2.2 - 03
16	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	16	30	Tin học	7	07/01/2023	90	13H00	Trên máy tính	E2.2 - 04

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
17	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	17	35	Tin học	7	07/01/2023	90	15H30	Trên máy tính	E2.1 - 01
18	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	18	30	Tin học	7	07/01/2023	90	15H30	Trên máy tính	E2.1 - 02
19	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	19	30	Tin học	7	07/01/2023	90	15H30	Trên máy tính	E2.1 - 03
20	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	20	30	Tin học	7	07/01/2023	90	15H30	Trên máy tính	E2.2 - 02
21	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	21	30	Tin học	7	07/01/2023	90	15H30	Trên máy tính	E2.2 - 03
22	21C1-CNL; KML; VSL; CNÔ; NNA	0211002028	22	30	Tin học	7	07/01/2023	90	15H30	Trên máy tính	E2.2 - 04

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCL